

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2024/DS-ST
Ngày: 26-4-2024
V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn
2. Ông Lê Văn Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lâm Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2024/QĐXX-ST ngày 15 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị N**, sinh ngày: 01/01/1961.

Địa chỉ: **ấp G, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.**

Bị đơn: Bà **Trần Thị T**, sinh ngày 01/01/1978.

Địa chỉ : **ấp A, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.**

(bà **N** có mặt, Bà **T** có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2023 và các lời trình bày có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà **Lê Thị N** trình bày:

Nguyên bà Lê Thị N có tham gia các dây hụi, do bà Trần Thị T làm chủ hụi, trong quá trình tham gia hụi, bà Lê Thị N đã đóng hụi sống cho vợ chồng bà T nhưng đến nay họ không giao tiền hụi cho bà Lê Thị N, cụ thể như sau:

Dây hụi 01: Hụi 02 tháng khui hụi một lần, hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 06/05/2022 âm lịch, có 19 phần, bà Lê Thị N tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi ghi tên “10 Nàng”, bà Lê Thị N đóng hụi sống được 10 lần, tính hụi có lãi thì bà Lê Thị N đóng được số tiền: $5.000.000 \text{ đồng} \times 10 \text{ lần} \times 01 \text{ phần} = 50.000.000 \text{ đồng}$. Đến khoảng tháng 10/2023 âm lịch bà T bị bẻ hụi và không khui nữa và trốn khỏi địa phương. Vì vậy bà Lê Thị N yêu cầu bà Trần Thị T có trách nhiệm trả lại bà Lê Thị N số tiền dây hụi này là 50.000.000 đồng. Dây hụi này mãn vào ngày 06/04/2024 âm lịch mới mãn.

Dây hụi 02: Hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 02/07/2022 âm lịch, có 21 phần, bà Lê Thị N tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi ghi tên “Cô 10 nàng”, bà Lê Thị N đóng hụi sống được 16 lần, tính hụi có lãi thì bà Lê Thị N đóng được số tiền: $2.000.000 \text{ đồng} \times 16 \text{ lần} \times 01 \text{ phần} = 32.000.000 \text{ đồng}$. Đến khoảng tháng 10/2023 âm lịch bà T bị bẻ hụi và không khui nữa và trốn khỏi địa phương. Vì vậy bà Lê Thị N yêu cầu bà Trần Thị T có trách nhiệm trả lại bà Lê Thị N số tiền dây hụi này là 32.000.000 đồng. Dây hụi này mãn vào ngày 02/01/2024 âm lịch mới mãn.

Dây hụi 03: Hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 02/07/2022 âm lịch, có 21 phần, bà Lê Thị N tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi ghi tên “Cô 10 nàng”, bà Lê Thị N đóng hụi sống được 16 lần, tính hụi có lãi thì bà Lê Thị N đóng được số tiền: $2.000.000 \text{ đồng} \times 16 \text{ lần} \times 01 \text{ phần} = 32.000.000 \text{ đồng}$. Đến khoảng tháng 10/2023 âm lịch bà T bị bẻ hụi và không khui nữa và trốn khỏi địa phương. Vì vậy bà Lê Thị N yêu cầu bà Trần Thị T có trách nhiệm trả lại bà Lê Thị N số tiền dây hụi này là 32.000.000 đồng. Dây hụi này mãn vào ngày 02/01/2024 âm lịch mới mãn.

Dây hụi 04: Hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 19/01/2023 âm lịch, có 19 phần, bà Lê Thị N tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi ghi tên “Cô 10 nàng”, bà Lê Thị N đóng hụi sống được 10 lần, tính hụi có lãi thì bà Lê Thị N đóng được số tiền: $2.000.000 \text{ đồng} \times 10 \text{ lần} \times 01 \text{ phần} = 20.000.000 \text{ đồng}$. Đến khoảng tháng 10/2023 âm lịch bà T bị bẻ hụi và không khui nữa và trốn khỏi địa phương. Vì vậy bà Lê Thị N yêu cầu bà Trần Thị T có trách nhiệm trả lại bà Lê Thị N số tiền dây hụi này là 20.000.000 đồng. Dây hụi này mãn vào ngày 19/06/2024 âm lịch mới mãn.

Dây hụi 05: Hụi tháng 5.000.000 đồng, mở ngày 27/02(trước)/2023 âm lịch, có 15 phần, bà Lê Thị N tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi ghi tên “Cô 10 nàng”, bà Lê Thị N đóng hụi sống được 10 lần, tính hụi có lãi thì bà Lê Thị N đóng được số tiền: $5.000.000 \text{ đồng} \times 10 \text{ lần} \times 01 \text{ phần} = 50.000.000 \text{ đồng}$. Đến khoảng tháng 10/2023 âm lịch bà T khui hụi, các hụi viên đóng hụi cho bà T xong thì bà T

trốn khỏi địa phương. Vì vậy bà **Lê Thị N** yêu cầu bà **Trần Thị T** có trách nhiệm trả lại bà **Lê Thị N** số tiền dây bụi này là 50.000.000 đồng. Dây bụi này mẫn vào ngày 27/03/2024 âm lịch mới mẫn.

Tổng cộng số tiền hụi 05 dây hụi bà **Trần Thị T** còn thiếu bà **Lê Thị N** là: 50.000.000 đồng + 32.000.000 đồng + 32.000.000 đồng + 20.000.000 đồng + 50.000.000 đồng = 184.000.000 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu đồng),

Nay bà **Lê Thị N** yêu cầu tòa án huyện Kế sách tỉnh Sóc Trăng xem xét và giải quyết như sau:

Buộc bà **Trần Thị T** có trách nhiệm trả lại tổng số tiền hụi còn thiếu là 184.000.000 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu đồng), bà **Lê Thị N** không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên Tòa, bà **Lê Thị n** có ý kiến xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện với nội dung như sau:

Bà **Lê Thị N** chỉ yêu cầu bà **Trần Thị T** trả số tiền hụi còn nợ của dây hụi 01 với số tiền là 50.000.000 đồng, dây hụi 02 với số tiền là 32.000.000 đồng, dây hụi 04 với số tiền là 20.000.000 đồng và dây hụi 05 với số tiền là 50.000.000 đồng, cộng chung là 152.000.000 đồng và có ý kiến đồng ý khấu trừ tiền huê hồng của 04 dây hụi là 7.000.000 đồng, còn lại 145.000.000 đồng thì yêu cầu bà **Trần Thị T** phải thanh toán cho bà **Lê Thị N**.

Riêng dây hụi 03 với số tiền hụi 32.000.000 đồng thì bà **Lê Thị N** không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa, nếu sau này có tranh chấp thì sẽ khởi kiện bà **Trần Thị T** bằng vụ án khác.

Bị đơn là bà **Trần Thị T vắng mặt.**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 68, 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung:

Tại phiên tòa nguyên đơn có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền nợ hụi của 04 dây là 145.000.000 đồng (đã khấu trừ tiền đầu thảo là 7.000.000 đồng), thay vì đơn khởi kiện ban đầu là 05 dây hụi tổng số tiền 184.000.000 đồng. Xét thấy việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244 BLTTDS nên có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị N** về việc buộc bà **Trần Thị T** trả số tiền nợ hụi tổng cộng 04 dây là 145.000.000 đồng. Xét thấy trong quá trình giải quyết

vụ án nguyên đơn có cung cấp danh sách hội viên (bút lục: 04) và các bản tự khai của những người tham gia góp hội. Qua bản tự khai của các ông bà: **Võ Thị Tuyết V, Phạm Thị Kiều T1, Phạm Văn T2 (T), Phạm Kiều T3, Võ Thành V1, Nguyễn Thị Đ, Khuru H** cùng ngày 10/4/2024, các ông bà xác nhận có tham gia chơi hội chung với bà **Lê Thị N** do bà **T1** làm đầu thảo, đồng thời qua đối chiếu với 04 danh sách hội do bà **N** giao nộp cho thấy bà **N** có tham gia góp hội, thể hiện tên trong danh sách hội “*cô 10 Nàng, 10 Nàng*”. Từ đó cho thấy các bên có tham gia góp hội với nhau là sự thật, đối với bà **T1** hiện nay không có mặt tại nơi cư trú, do bà **T1** không thông báo cho các hội viên biết về nơi cư trú mới nên đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hội theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hội, biểu, phường. Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nên được xem là bà phải biết việc nguyên đơn khởi kiện và bà phải có nghĩa vụ chứng minh, nay bà đã đi khỏi địa phương nên đã tự tước đi quyền chứng minh của mình theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ hội là 145.000.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên Tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, đồng thời bị đơn không có yêu cầu phản tố. Xét thấy, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách đã tiến hành các thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là có căn cứ và đúng với quy định tại khoản 2, Điều 227, khoản 3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Mặt khác, việc nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền hội còn nợ là 145.000.000 đồng (sau khi đã trừ tiền huê hồng 7.000.000 đồng). Xét thấy, việc thay đổi về số tiền hội của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét số tiền hội mà bị đơn còn nợ theo sự thay đổi này của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 244 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn đã có giao dịch về tài sản dưới hình thức góp hội với mục đích tương trợ, có hưởng huê hồng và tiền lãi được thực hiện theo quy định của pháp luật là có thật. Bởi lẽ, bị đơn có tổ chức góp hội và nguyên đơn có tham gia là đúng sự thật,

nguyên đơn có cung cấp danh sách hội viên (bút lục: 04) và các bản tự khai của những người tham gia góp hội. Qua bản tự khai của các ông bà: **Võ Thị Tuyết V**, **Phạm Thị Kiều T1**, **Phạm Văn T2 (T)**, **Phạm Kiều T3**, **Võ Thành V1**, **Nguyễn Thị Đ**, **Khuru H** cùng ngày 10/4/2024, các ông bà xác nhận có tham gia chơi hội chung với bà **Lê Thị N** do bị đơn làm đầu thảo, đồng thời qua đối chiếu với 04 danh sách hội do nguyên đơn giao nộp cho thấy nguyên đơn có tham gia góp hội, thể hiện tên trong danh sách hội “cô 10 Nàng, 10 Nàng”. Cho nên, yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn phải thanh toán số tiền góp hội còn nợ của 04 dây hội, cộng chung là 145.000.000 đồng là chính đáng và có căn cứ pháp luật để Hội đồng xét xử xem xét.

Nguyên đơn không yêu cầu tính thêm tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện trả tiền hội. Xét thấy, việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi phát sinh là có lợi cho bị đơn, đây là quyền tự định đoạt của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Cho nên, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí DSST: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do nguyên đơn thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ tiền án phí DSST cho nguyên đơn.

Bị đơn không phải chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 92, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 244 Bộ luật TTDS năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 18, Điều 23, Điều 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về Họ, hội, biểu, phường;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Q;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị N. Buộc bà **Trần Thị T** chịu trách nhiệm thanh toán cho bà **Lê Thị N** số tiền hội còn nợ của 04 dây hội với số tiền cộng chung là 145.000.000 đồng (**một trăm bốn mươi lăm triệu đồng**).

2. Về án phí, chi phí tố tụng:

Bà **Lê Thị N** thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên xem như xong, không có nộp hay hoàn trả tiền gì.

Bà **Trần Thị T** phải chịu 7.250.000 đồng (bảy triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

3. Án xử công khai, bà **Lê Thị N** và có mặt tại phiên Tòa và có mặt khi tuyên án.

Bà **Trần Thị T** không có mặt tại phiên Tòa và cũng không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày bản án có hiệu lực để thi hành và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Hải Duy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hải Duy

